TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9 - 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Châu Minh Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh

2. Ông Nguyễn Quốc Khương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ D, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: TDP 18, thị trấn K, huyện K, tỉnh G (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Bé T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện L, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Bé D trình bày:

Chị và anh Lê Bé T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn K, huyện K, tỉnh G, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/5/2011. Chị và anh T sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Hồ Thị Mỹ D trình bày: là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ

chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị D và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị Hồ Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với anh Lê Bé T.

Về con chung: Quá trình chung sống có con chung là cháu Lê Hồ Bá C (giới tính: nam) sinh năm 2011, hiện cháu Bá C đang sống chung với anh T. Chị D đồng ý giao cháu Bá C cho anh T nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Hồ Thị Mỹ D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Bé T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất lời trình bày của chị D về việc vợ chồng tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn thì do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Nay chị D yêu cầu xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T cũng thống nhất vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Hồ Bá C (giới tính: nam) sinh năm 2011, con chung hiện đang sống chung với anh T. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bá C, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai vợ chồng anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên ý kiến là đồng ý ly hôn với chị D, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bá C, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ nguyên đơn Hồ Thị Mỹ D nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Mỹ D và anh Lê Bé T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị D và anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, anh chị không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên thống nhất ly hôn.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa chị D và anh T thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được là do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Dvà anh T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị D và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D và anh T được ly hôn.

[4] Về con chung: Chị D đồng ý giao con chung là cháu Lê Hồ Bá C (giới tính: nam) sinh năm 2011. Xét thấy từ khi chị D và anh T ly thân thì cháu Bá C sống với anh T, được anh T chăm lo cho cháu đầy đủ. Hơn nữa, cháu Bá C cũng có nguyện vọng muốn sống với cha là anh T. Vì vậy để đảm bảo cho cuộc sống của các cháu được ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống hằng ngày của cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Bá C cho anh T nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ D đối với anh Lê Bé T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Mỹ D và anh Lê Bé T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hồ Bá C (giới tính: nam) sinh năm 2011 cho anh Lê Bé T nuôi dưỡng. Chị Hồ Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Bé T không yêu cầu. Chị Hồ Thị Mỹ D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Mỹ D và ánh Lê Bé T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Hồ Thị Mỹ D và ánh Lê Bé T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị Mỹ D phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0006747 ngày 22/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh G thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2019). Riêng nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi nguyên đơn cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND thị trấn K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Tiếp